

# Cộng đồng kinh tế ASEAN: Khả năng và hiện thực

PGS. TS. HẠ THỊ THIỀU DAO\*

Th.S. NGUYỄN THỊ MAI\*\*

*Bài viết phân tích những thành tựu và cơ hội của ASEAN trong quá trình thực hiện kế hoạch xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), thể hiện qua hoạt động thương mại và đầu tư tăng đáng kể, thu nhập bình quân đầu người tăng cao, liên kết nội khối phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình này, ASEAN vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức: chênh lệch mức độ mở cửa thị trường, chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người, chênh lệch cơ cấu kinh tế, xuất khẩu, chỉ số phát triển nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và năng lượng. Các phân tích cho thấy AEC khó có thể thực hiện đúng theo lộ trình vào năm 2015.*

**Từ khóa:** AEC, hội nhập kinh tế, khu vực kinh tế cạnh tranh

## 1. Mục tiêu và kế hoạch thực hiện AEC

Cộng đồng kinh tế ASEAN - ASEAN Economic Community (AEC) là một khối hợp tác kinh tế khu vực của các quốc gia thành viên ASEAN dự định sẽ được thành lập vào cuối năm 2015. AEC là một trong 3 trụ cột quan trọng của Cộng đồng ASEAN (chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội) nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra trong Tầm nhìn ASEAN năm 2020.

Mục tiêu của AEC là thúc đẩy phát triển kinh tế công bằng trong khu vực, tạo ra một khu vực kinh tế có tính cạnh tranh cao và hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. AEC không hướng tới một cộng đồng giống như Cộng đồng

kinh tế châu Âu – tức có đồng tiền chung, chính sách kinh tế, tiền tệ chung (ASEAN Secretariat, 2014). Với việc hiện thực hóa AEC, ASEAN sẽ trở thành một thị trường đơn nhất, một không gian sản xuất chung, hướng tới sự phát triển năng động và cạnh tranh hơn, thúc đẩy hội nhập khu vực trong các lĩnh vực ưu tiên, tạo thuận lợi cho sự di chuyển của các doanh nhân, lao động lành nghề và chuyên gia, đồng thời củng cố thể chế của ASEAN.

Để thực hiện từng mục tiêu AEC, các nước thành viên có nghĩa vụ thực hiện các trụ cột (xem Hình 1): i) Xây dựng một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất thông qua các biện pháp: gỡ bỏ các rào cản đối với sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động kỹ năng cũng như tạo thuận lợi cho sự lưu chuyển tự do hơn của dòng vốn, thực hiện các

\*Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

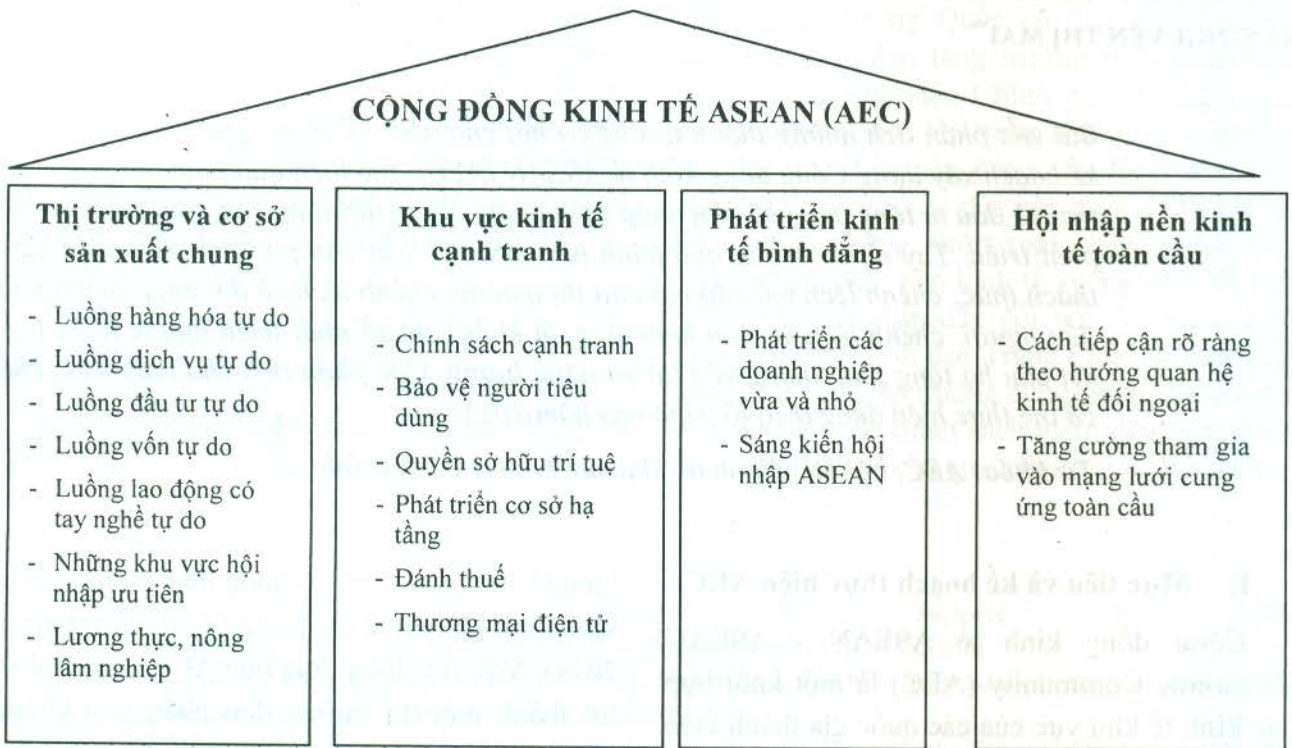
\*\*Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II



biện pháp về các lĩnh vực ưu tiên hội nhập; ii) Biến ASEAN thành một khu vực kinh tế có khả năng cạnh tranh cao trên cơ sở thực thi chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử; iii) Phát triển kinh tế cân bằng thông qua thực hiện các biện pháp về phát triển doanh nghiệp nhỏ

và vừa, Sáng kiến Hội nhập ASEAN nhằm giúp các nước CLMV (Campuchia – Lào - Myanmar - Việt Nam) nâng cao năng lực...; iv) Hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế toàn cầu trên cơ sở tham gia vào các thỏa thuận tự do hóa thương mại khu vực, tích cực tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu (CARI, 2013).

**Hình 1: Kế hoạch xây dựng tổng thể AEC giai đoạn 2008 – 2015**



*Nguồn: CARI (2013).*

Dựa trên lý thuyết về liên kết kinh tế, mục tiêu và kế hoạch của AEC, phần sau đây nhóm tác giả đánh giá khả năng ra đời của AEC vào cuối năm 2015.

**2. Đánh giá khả năng xây dựng AEC theo kế hoạch**

**2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch tổng thể xây dựng AEC**

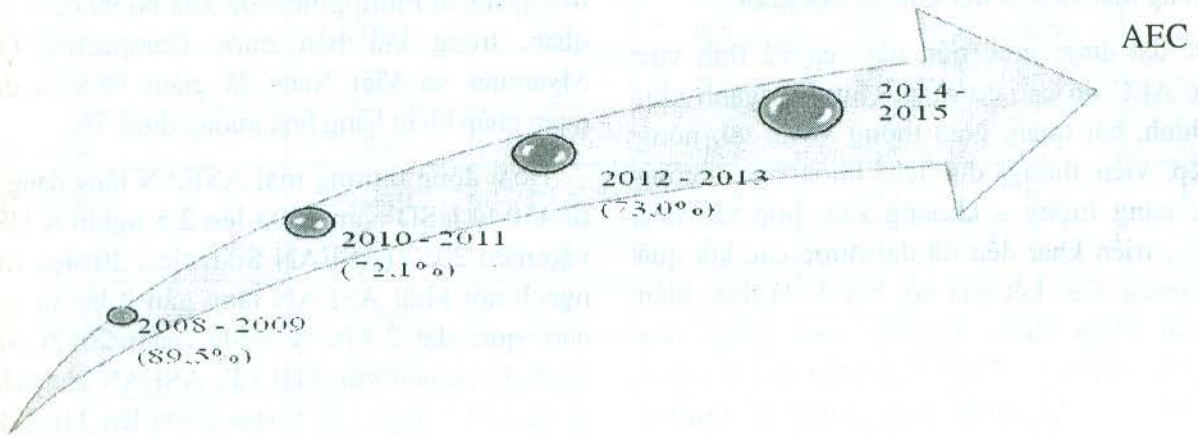
Để giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC nêu trên, ASEAN đưa ra một cơ chế đánh giá được gọi là Biểu đánh

giá AEC (AEC Scorecard) nhằm định kỳ kiểm điểm tiến độ thực hiện các biện pháp của các nước thành viên.

Sử dụng bảng Scorecard được theo dõi trong bốn giai đoạn (2008 - 2009; 2010 - 2011; 2012 - 2013; 2014 - 2015). Trong việc tính toán Tỷ lệ thực hiện, một phương pháp chấm điểm đơn giản ("có" cho đầy đủ thực hiện và "không" cho không thực hiện đầy đủ) được sử dụng. Một biện pháp được coi là thực hiện chỉ khi tất cả các quốc gia thành viên ASEAN đã thực hiện đầy đủ tất cả hoạt động trên.



**Hình 2: Thành tựu của ASEAN khi thực hiện Kế hoạch xây dựng tổng thể AEC gồm 4 giai đoạn 2008 - 2015**



*Nguồn: Pillai (2013).*

Từ Hình 2 cho thấy, ASEAN đã hoàn thành khá tốt các mục tiêu trong 3 giai đoạn (2008 - 2009; 2010 - 2011 và 2012 - 2012) và đang trong giai đoạn hoàn thành kế hoạch tổng thể 2014 - 2015. Nhìn chung, từ tháng 01/2008 - 10/2012, ASEAN đã thực hiện được 77,8% những sáng kiến của AEC.

Kết quả này cho thấy, việc xây dựng AEC vào năm 2015 là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, cần cân nhắc kết quả vì các thể điểm này được đánh giá từ các quan chức chính phủ chứ không phải từ người dân, doanh nghiệp nên khó tránh khỏi bị ảnh hưởng của yếu tố thành tích. Ngoài ra, kết quả từ Bảng đánh giá AEC cho thấy hội nhập nền kinh tế toàn cầu đạt điểm cao nhất, các trụ cột khác đạt điểm thấp hơn. Tuy nhiên, bảng đánh giá chỉ thông qua ở cấp quốc gia về các hiệp định, các biện pháp của AEC, chuyển những sáng kiến khu vực thành luật trong nước, tăng cường hợp tác nội bộ và biến các thỏa thuận/các biện pháp thành hành động. Hơn nữa, bảng này cũng chỉ liên quan đến việc tuân thủ các hành động cụ thể trong Kế hoạch AEC, không cho biết các mục

tiêu của AEC đang được thực hiện được đến đâu. Do đó, ASEAN cần xây dựng mục tiêu rõ ràng, chương trình hỗ trợ tốt hơn đối với các nước thành viên (Kalra, 2013).

Bên cạnh đó, các trụ cột mà AEC hướng tới so với lý thuyết về kinh tế quốc tế có những điểm chưa rõ ràng. AEC đề ra mục tiêu sẽ trở thành thị trường chung nhưng kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện chưa thể hiện được việc vận dụng lý thuyết đó. Cụ thể, AEC hướng đến một thị trường và cơ sở sản xuất duy nhất. Với mục tiêu này, AEC hướng tới hình thức liên kết thị trường chung nhưng trong kế hoạch thực hiện không thấy đề cập đến việc thống nhất chính sách, đặc biệt là chính sách thuế đánh ra bên ngoài mà chủ yếu là gỡ bỏ các hàng rào kinh tế nội khối; từng nước ASEAN vẫn duy trì những chính sách, quy định với bên ngoài khác biệt, phù hợp với điều kiện và mục tiêu của từng nước. Điều này sẽ dẫn đến sự không thống nhất trong cách nhìn nhận về AEC và trong phối hợp hành động giữa các quốc gia thành viên.



**2.2. Xây dựng một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất**

Nội dung hợp tác chủ yếu và đặc biệt quan trọng của ASEAN là thúc đẩy tự do hóa kinh tế - thương mại và liên kết kinh tế nội khối.

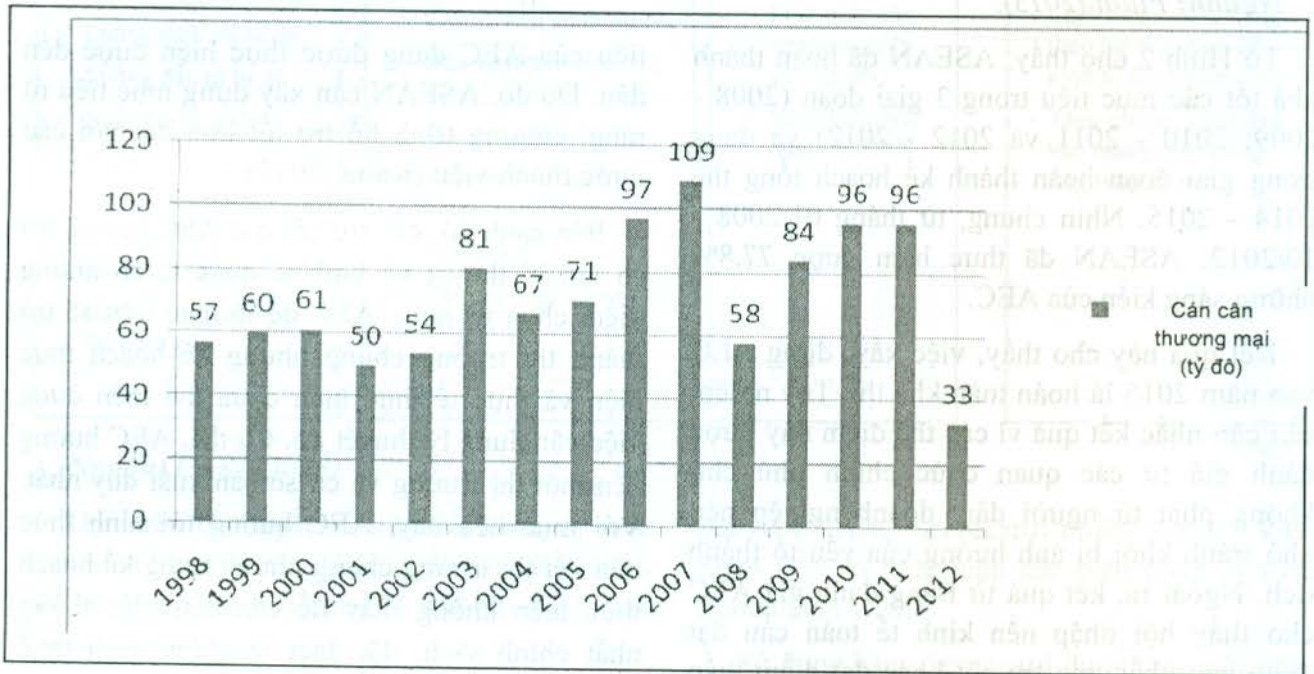
Để đạt được mục tiêu này, cả 12 lĩnh vực thuộc AEC do các cơ quan chuyên ngành như tài chính, hải quan, giao thông - vận tải, nông nghiệp, viễn thông, du lịch, khoa học - công nghệ, năng lượng - khoáng sản, hợp tác tiểu vùng... triển khai đều đã đạt được các kết quả quan trọng. Các kết quả nổi bật đó là thực hiện đầy đủ Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), Hiệp định khung về thương mại dịch vụ ASEAN (AFAS), triển khai Kế

hoạch tổng thể về kết nối ASEAN, hợp tác giao thông - vận tải, thuận lợi hóa thương mại...

Ngoài ra, và Kearney (2013), ASEAN 6 (gồm Indonesia, Singapore, Brunei, Thái Lan, Malaysia và Philippines) đã xóa bỏ 99,65% thuế quan, trong khi bốn nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam đã giảm 98,86% thuế quan nhập khẩu hàng hóa xuống dưới 5%.

Hoạt động thương mại ASEAN tăng đáng kể từ 430 tỷ USD năm 1993 lên 2,5 nghìn tỷ USD vào năm 2012 (ASEAN Statistics, 2014c). Kim ngạch nội khối ASEAN tăng gần 2 lần trong 5 năm qua, đạt 2.476 tỷ USD (năm 2012) (xem Hình 3). Nguồn vốn FDI vào ASEAN cũng tăng từ 63.689,2 triệu USD năm 2006 lên 110.291,2 triệu USD năm 2012 (ASEAN Statistics, 2014d).

**Hình 3: Cán cân thương mại ASEAN giai đoạn 1998 - 2012**



*Nguồn: ASEAN Statistics (2014c).*

Thương mại nội khối tăng đồng nghĩa với nhập khẩu và xuất khẩu tăng, các dịch vụ hậu cần và giao thông vận tải sinh ra nhiều lợi nhuận hơn. Trong bối cảnh hậu khủng hoảng,

mặc dù tốc độ tăng giữa các nước không đồng đều và không ổn định trong các năm nhưng nhìn chung 10 nước ASEAN đều đạt mức tăng trưởng kinh tế cao (xem Bảng 2).



**Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của các nước ASEAN**

Nước	Năm cơ sở	2008	2009	2010	2011	2012
Campuchia	2000	6,7	0,1	6,0	7,1	7,0
Indonesia	2000	6,0	4,5	6,3	6,5	6,2
Lào	1990	7,8	7,5	8,1	8,0	7,9
Malaysia	1987	4,8	-1,5	7,4	5,1	5,6
Myanmar	1990	12,0	10,3	10,6	9,6	5,6
Philippines	1985	4,2	1,1	7,6	3,6	6,8
Singapore	1995	1,7	-0,8	14,8	5,2	1,3
Thái Lan	1988	2,5	-2,3	7,8	0,1	6,5
Việt Nam	1994	6,3	5,3	6,8	6,0	5,0
ASEAN	n.a.	4,7	1,7	7,8	4,7	5,7
ASEAN 5 <sup>1/</sup>	n.a.	4,3	1,1	7,9	4,4	5,8
BCLMV <sup>2/</sup>	n.a.	7,0	5,6	7,3	6,7	5,2

*Nguồn: ASEAN Statistics (2014a, b).*

**Bảng 3: Thống kê số lượng FTAs của các quốc gia ASEAN**

Quốc gia	Số lượng FTAs
Brunei	18
Campuchia	12
Philippines	16
Indonesia	22
Singapore	38
Thailand	29
Myanmar	13
Lào	14
Malaysia	27
Việt Nam	19

*Nguồn: ADB (2014).*

Kết quả hợp tác kinh tế trong ASEAN tuy đã đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng chưa thực

sự tạo ra bước phát triển đột biến trong quan hệ kinh tế thương mại. Mặc dù, thương mại nội khối ASEAN đã duy trì ở mức ổn định 24,3% tổng khối lượng thương mại toàn khu vực, nhưng nếu so với trao đổi thương mại nội khối của EU (hơn 70%), thì rõ ràng mức hội nhập và liên kết nội khối của ASEAN chưa cao.

Bên cạnh đó, hợp tác nội khối ASEAN đang đứng trước không ít khó khăn khi trong những năm gần đây xuất hiện xu hướng ly tâm qua việc các nước có trình độ phát triển cao trong ASEAN, đặc biệt là Singapore có xu hướng đẩy nhanh các hiệp định song phương (xem Bảng 3)

### 2.3. Phát triển kinh tế bình đẳng

Thông qua chương trình hành động tiến tới xây dựng AEC vào cuối năm 2015 đã góp phần tăng GDP cho cả ASEAN 5 (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) và BCLMV (Brunei Darussalam, Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam). Tuy trong giai đoạn 2008 - 2009 tốc độ GDP của các nước



ASEAN giảm sút đến mức -1,52% do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng sau đó đã tăng đến 21,1% vào năm 2010.

Ngoài ra, đối với các nước thành viên thuộc ASEAN 5 và nhóm các nước BCLMV, GDP tăng đều theo các năm.

**Bảng 4: Tốc độ tăng trưởng GDP đầu người của các nước ASEAN giai đoạn 2005 – 2012**

Nước	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
ASEAN	1.640,9	1.941,7	2.294,1	2.630,8	2.590,9	3.138,6	3.590,7	3.748,4
ASEAN 5	2.080,3	2.469,7	2.918,4	3.306,4	3.237,2	3.940,6	4.491,5	4.664,5
BCLMV	524,1	601,1	709,9	901,7	939,2	1.069,1	1.258,6	1.369
ASEAN - g		18,3	18,2	14,7	(1,52)	21,1	14,4	4,4

*Nguồn: ASEAN Statistics (2014a).*

Tuy nhiên, mức chênh lệch phát triển giữa các quốc gia phát triển ASEAN 6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Singapore) với ASEAN 4 (Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar) khá cao - được coi là yếu tố cản trở chính của sự liên kết kinh tế. Chênh lệch phát triển trong ASEAN chủ yếu tập trung ở 4 lĩnh vực chủ yếu (4I) gồm: kết cấu hạ tầng, thu nhập, liên kết và thể chế. Mức chênh lệch đó được thể hiện trên các phương diện:

*Thứ nhất*, sự chênh lệch về mức độ mở cửa thị trường. Thuế nhập khẩu trung bình của ASEAN ở mức 9,53%, dao động từ 0% (Singapore) đến 17,92% (Việt Nam). Để nhập khẩu bất kỳ loại hàng hóa nào trong ASEAN cần mất thời gian trung bình là 32 ngày (Daly, 2013). Mức dao động khác nhau từ 3 ngày (Singapore) tới 45 ngày (Campuchia) và 78 ngày (Lào). Thời gian trung bình để bắt đầu hoạt động kinh doanh ở ASEAN là 64 ngày, trong khi đó ở Singapore chỉ cần 6 ngày, còn ở Indonesia là 97 ngày, Lào là 163 ngày.

Ngoài ra, theo yêu cầu xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN, về hàng hóa cần phải lần lượt đưa ra thời gian biểu miễn giảm thuế quan sản phẩm thông thường và sản phẩm nhạy cảm vào năm 2015 và năm 2018 (Vũ Dương Ninh, 2002). Về dịch vụ, các nước cần từng bước

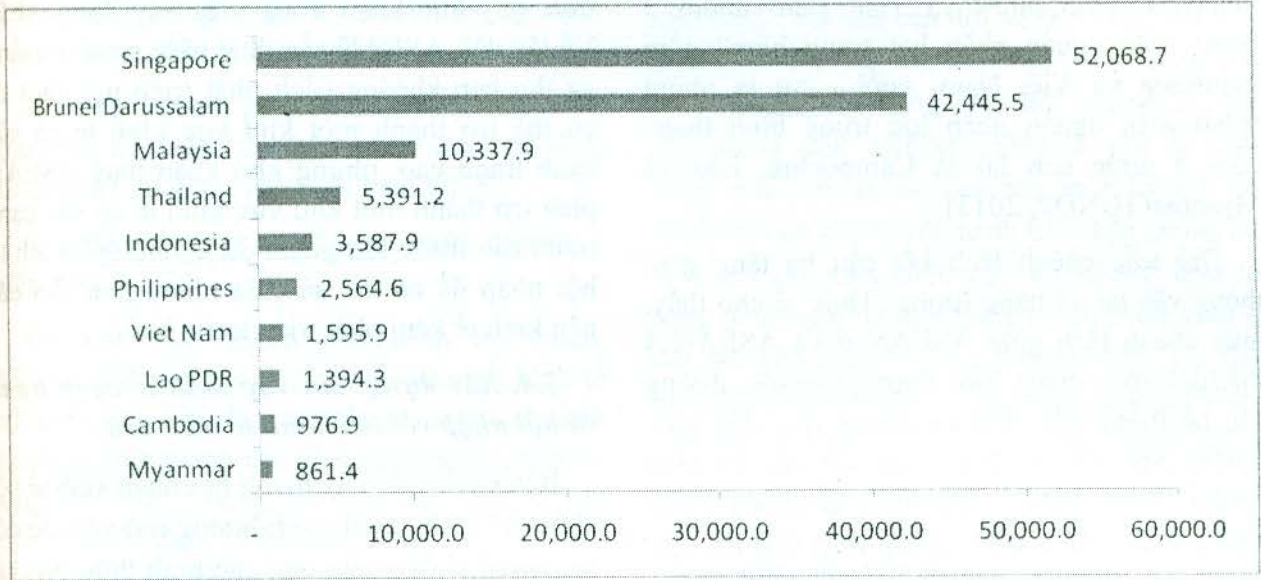
nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần vốn nước ngoài trong ngành dịch vụ lên 70% vào năm 2015 (Vũ Dương Ninh, 2002). Trong bối cảnh môi trường kinh tế quốc tế còn nhiều bất ổn, việc xây dựng AEC vẫn đối mặt với những thách thức lớn. Theo một số chuyên gia phân tích, 20% dự án còn lại cần “đạt chuẩn” chính là phần khó khăn nhất.

*Thứ hai*, chênh lệch về mức thu nhập bình quân đầu người. Tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị GDP bình quân đầu người nhỏ nhất và lớn nhất ở các nước thuộc EU chỉ là 1:8, trong khi đó các nước thuộc ASEAN là 1:61 (CARI, 2013). Hình 4 cho thấy, Singapore, Brunei, Malaysia có mức thu nhập GDP bình quân đầu người khá cao. Ngược lại, ở các nước như Myanmar, Campuchia, Lào, Việt Nam mức thu nhập bình quân đầu người còn khá thấp, chênh lệch quá lớn so với các nước kể trên. Cụ thể, mức thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2012 của Singapore (52.068,7 USD) - nước có mức thu nhập bình quân đầu người cao nhất trong khu vực - cao gấp 60,45 lần so với Myanmar (861,4 USD) - nước nghèo nhất ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người của Brunei, Malaysia cũng chỉ bằng 0,82 lần hoặc 0,198 lần của Singapore. Trong khi đó, thu nhập bình quân đầu người của Philippines chỉ bằng 0,25 lần của Malaysia.



**Hình 4: Thu nhập bình quân đầu người của các nước ASEAN năm 2012**

Đơn vị: USD



*Nguồn: ASEAN Statistics (2014a).*

Ngoài ra, theo CARI (2013) trong khi các nước như Singapore, Thái Lan và Malaysia có hệ thống giao thông công cộng tốt, internet rộng khắp, chương trình y tế, chính sách trợ cấp tốt, ngược lại với nhiều nơi ở Myanmar, Lào và Campuchia với tình trạng nhiều người dân không tiếp cận được dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, không đủ thực phẩm, không tiếp cận được thông tin liên lạc. Nhiều nơi ở Myanmar thiếu điện hoàn toàn.

*Thứ ba*, chênh lệch về cơ cấu kinh tế. Không chỉ GDP đầu người giữa các nước thành viên chênh lệch mà trình độ phát triển của các nước thành viên cũng khác nhau nhiều. Trong khi Singapore được đánh giá là nền kinh tế có năng lực cạnh tranh cao thứ 2 trên thế giới (năm 2013 - 2014), thì Việt Nam chỉ được xếp thứ 86/148, Campuchia xếp thứ 91/144 (WEF, 2014).

Ngoài ra, thực lực kinh tế của 10 nước ASEAN có khác biệt khá lớn về chính trị, phát triển không đồng đều về kinh tế là khó khăn lớn trong xây dựng Cộng đồng kinh tế khu vực. Việc xây dựng AEC thành một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, nhằm đem lại nhiều cơ

hội thịnh vượng hơn cho khu vực, ASEAN cần tăng cường hội nhập và đẩy mạnh thương mại nội khối. Tuy nhiên, trong khi ASEAN chưa có một đầu tàu mạnh và được tất cả các nước chấp nhận để dẫn dắt cả khu vực hay một nền tảng kinh tế tương đối đồng đều giữa các quốc gia để có thể đáp ứng đồng thời các yêu cầu của hội nhập.

*Thứ tư*, cơ cấu xuất khẩu giống nhau. Mặt hàng chủ đạo mà các nền kinh tế ASEAN xuất khẩu lại khá giống nhau, nên có tính cạnh tranh hơn là bổ sung nhau, do đó các nước ASEAN vẫn hướng ra thị trường ngoài hơn là trong khu vực. Cụ thể, tỷ lệ thương mại nội khối vẫn ở mức thấp 24% (năm 2012); đầu tư nội khối chỉ chiếm 16,8% (2010 - 2012), hơn 80% thu nhập FDI vẫn là từ bên ngoài. (ASEAN Statistics, 2014d). Điều đó cho thấy Cộng đồng kinh tế sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho ASEAN, nhưng chưa cải thiện đáng kể sức cạnh tranh kinh tế của khu vực.

*Thứ năm*, chênh lệch về Chỉ số Phát triển nguồn nhân lực (HDI). Dựa trên các thông số về tuổi thọ, mức chi tiêu cho giáo dục, sức khỏe, tỷ lệ người biết chữ... ASEAN được chia thành 4 nhóm về HDI: nhóm 1 “phát triển nguồn nhân



lực cao” gồm Singapore và Brunei; nhóm 2 “phát triển nguồn nhân lực trung bình cao” gồm Malaysia, Philippines và Thái Lan; nhóm 3 “phát triển nguồn nhân lực trung bình” gồm Indonesia và Việt Nam; cuối cùng là nhóm “phát triển nguồn nhân lực trung bình thấp” gồm 3 nước còn lại là Campuchia, Lào và Myanmar (UNDP, 2013).

*Thứ sáu*, chênh lệch kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và năng lượng. Thực tế cho thấy, mức chênh lệch giữa ASEAN 6 và ASEAN 4 thể hiện rõ ở mạng lưới đường cao tốc, đường sắt, hệ thống dây dẫn và đường ống dẫn ga... Nhóm ASEAN 4 cũng thiếu kết cấu hạ tầng “mềm” (công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống ITC) - điều kiện tối cần thiết cho các giai đoạn phát triển tiếp theo. Rõ ràng, những chênh lệch về kinh tế - xã hội, sự khác nhau về năng lực tổ chức giữa các nhóm nước ASEAN đã kìm hãm tiến độ liên kết và hội nhập khu vực. Chênh lệch phát triển giữa các nước thành viên ASEAN còn được thể hiện ở chênh lệch về sự phát triển của thị trường tài chính, năng lực tài chính..., trong đó việc thiếu tài trợ tài chính trong khu vực được xem là khó khăn nhất. Chênh lệch về trình độ phát triển làm cho ASEAN khó khăn hơn trong các nỗ lực tập thể, tính khả thi của các chính sách chung bị hạn chế.

ASEAN đã nhận thức rằng không thể liên kết kinh tế có hiệu quả nếu không thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên trong khu vực. Thu hẹp khoảng cách phát triển vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là mục tiêu lâu dài, phục vụ cho sự phát triển đồng đều của khu vực, biến ASEAN trở thành khu vực kinh tế năng động. Vì vậy, ASEAN đã thực sự bắt tay vào việc tiến hành các chương trình hợp tác nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển, điều này thể hiện rõ trong sáng kiến hội nhập ASEAN. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh thương mại giữa các vùng miền trong khu vực và thúc đẩy hội nhập khu vực, ASEAN cần đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên,

ASEAN vẫn chưa có một nguồn vốn riêng để hỗ trợ các nước thành viên thực hiện khoản mục trên, gây khó khăn trong việc xây dựng AEC. Về lâu dài, ASEAN cần phát triển cơ sở hạ tầng và thu hẹp khoảng cách phát triển nội khối để có thể trở thành một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, nhưng khó khăn thay ASEAN phải trở thành một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao trước khi giành được những lợi ích từ hội nhập để có thể sẽ chia nhiều hơn cho các nền kinh tế kém phát triển trong khối.

#### **2.4. Xây dựng khu vực kinh tế cạnh tranh và hội nhập với nền kinh tế toàn cầu**

Bên cạnh việc đẩy mạnh hội nhập kinh tế nội khối, ASEAN có khuynh hướng mở với các đối tác ngoài khối thông qua các hình thức liên kết kinh tế, thương mại. Hợp tác kinh tế của ASEAN với các đối tác bên ngoài được triển khai từ giữa những năm 1990.

Hiệp định Thương mại tự do song phương (FTA) được coi là một trong những con đường ngắn nhất để tăng cường hiệu quả hợp tác kinh tế giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài. ASEAN đã ký kết FTA với một số đối tác lớn như Hàn Quốc (có hiệu lực từ ngày 01/6/2007), Nhật Bản (có hiệu lực từ ngày 01/12/2008), Trung Quốc (có hiệu lực từ ngày 01/01/2010), Ấn Độ (có hiệu lực từ tháng 1/2010), Australia và New Zealand (có hiệu lực từ ngày 01/01/2010). Ngoài ra, hợp tác kinh tế giữa ASEAN với nhiều đối tác lớn và quan trọng khác như Mỹ, EU, Nga, Canada... đang ngày càng được tăng cường, góp phần tích cực vào sự phát triển thương mại giữa ASEAN với các đối tác. Đến nay, số lượng hiệp định ASEAN ký với bên ngoài khối đã lên đến con số 10.

Mặc dù có nhiều nỗ lực trong đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế nhưng hiện nay, tỷ lệ hàng hóa ASEAN tham gia thị trường toàn cầu chỉ ở mức 6%, là mức thấp so với quy mô GDP của khối. Từng nền kinh tế ASEAN chưa thực sự là những nền kinh tế mạnh và đang ở trong những



giai đoạn phát triển kinh tế rất xa nhau. Vì vậy, cần đẩy mạnh hơn nữa tiến trình hội nhập kinh tế toàn khối trong vòng 3 - 5 năm tới để cạnh tranh với các đối tác đang trỗi dậy.

Với những đánh giá về các trụ cột của AEC như trên, AEC khó có thể thành hiện thực theo đúng mục tiêu đề ra vào cuối năm 2015.

### 3. Một số gợi ý chính sách thúc đẩy thực hiện AEC

Để thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập, ASEAN cần tiếp tục đẩy nhanh liên kết kinh tế nội khối, tích cực đàm phán với các đối tác bên ngoài để hình thành các khu vực mậu dịch tự do rộng lớn hơn. Nhưng để liên kết kinh tế nội khối và việc đàm phán xây dựng các FTA với các nước ngoài khu vực được tiến triển nhanh, ASEAN cần giải quyết 3 vấn đề rất trọng yếu:

*Một là*, cần làm rõ AEC sẽ là hình thức liên kết kinh tế nào và thống nhất các chương trình, mục tiêu chung. Từ định hướng chung đó các hoạt động liên kết kinh tế trong khu vực mới có thể dễ dàng thực hiện được. Để làm được điều này cần nâng cao khả năng điều phối cấp khu vực và cấp quốc gia để thực hiện các biện pháp trong Kế hoạch tổng thể xây dựng EAC.

*Hai là*, cần có một cơ chế truyền thông phù hợp để người dân, doanh nghiệp có thể hiểu biết và tham gia vào AEC. Hiện nay xây dựng AEC chỉ ở cấp chính phủ, được đưa từ trên xuống chứ chưa được thực hiện từ dưới lên trong khi sự thành công của AEC không phải chỉ ở chính sách mà còn ở thực tế thực hiện. Điều này nằm trong tay doanh nghiệp. Sự tham gia của các doanh nghiệp cần được thúc đẩy ở cả hai phía: i) Các chính phủ cần xuất phát từ lợi ích của doanh nghiệp để xây dựng các khu vực mậu dịch tự do; ii) Chính doanh nghiệp cũng cần chủ động khai thác triệt để những cơ hội mà các FTA mang lại.

*Ba là*, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên, tiến tới

hình thành AEC đúng tiến độ. Thành công của AEC sẽ phụ thuộc vào quá trình điều hành của mỗi nước. Sự mất cân đối về trình độ phát triển giữa các quốc gia, các khu vực địa lý trong khối sẽ là thách thức hàng đầu, đòi hỏi nỗ lực hợp tác chung của ASEAN. Đây là vấn đề chứa đựng nhiều nguy cơ làm xói mòn lợi ích của AEC và làm chậm tiến trình hội nhập chung của ASEAN do xuất hiện các xu hướng hợp tác song phương giữa một nước mạnh trong khối và đối tác bên ngoài và xu hướng đánh giá thấp những lợi ích từ AEC ở các nước phát triển kém hơn khi thị trường chung làm giảm sự bảo hộ của chính phủ các nước đến các lĩnh vực kém sức cạnh tranh ở những nước này. Cụ thể ASEAN cần nỗ lực thực hiện đầy đủ các cam kết đã có và tiếp tục đề ra các sáng kiến mới nhằm đẩy nhanh tiến trình liên kết kinh tế nội khối.

Tuy nhiên, xây dựng AEC với tốc độ nhanh trong bối cảnh có sự chênh lệch về trình độ phát triển với đặc trưng đa dạng về hệ thống chính trị là không thể. Do vậy, ASEAN cần có sự tham khảo tiến trình liên kết của các tổ chức khu vực, nhất là mô hình liên kết EU. Tuy hai mô hình liên kết này có những khác biệt, nhưng từ kinh nghiệm EU và thực tiễn, ASEAN có thể sáng tạo đưa ra hướng đi hợp lý cho AEC.

### Kết luận

AEC được hình thành sẽ tạo ra những cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân ở mỗi nước thành viên của ASEAN. Bất cứ doanh nghiệp hay nhà đầu tư ASEAN nào đều có cơ hội như nhau trong việc tận dụng và phát huy ưu thế của mình khi không còn những rào cản về không gian kinh tế, hàng hóa, dịch vụ và vốn trong khối thị trường chung ASEAN. Chính vì vậy, để đáp ứng được yêu cầu của hội nhập, xây dựng khối liên kết bền vững, đòi hỏi phải có sự nỗ lực, phấn đấu và chung sức của toàn thể các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng của các quốc gia vì một lợi ích chung của toàn khối♦



**Tài liệu tham khảo:**

1. ADB (2014): *Free Trade Agreements (FTAs) by country/economy*, <http://www.aric.adb.org/fta-country>.
2. ASEAN Secretariat (2012): *ASEAN Economic Community Scorecard, Charting Progress toward Regional Economic Intergration, Phase I (2008 – 2009) and Phase II (2010 – 2011)*, Jakarta 2012, <http://www.iadb.org/intal/intaledi/PE/2012/10132.pdf>.
3. ASEAN Statistics (2014a): *Statistics Updates/ Selected Key Indicators*, <http://www.asean.org/news/item/selected-key-indicators>.
4. ASEAN Statistics (2014b): *Statistics Updates/ Macroeconomic Indicators*, <http://www.asean.org/component/zoo/item/macroeconomic-indicators>.
5. ASEAN Statistics (2014c): *Statistics Updates/ External Trade Statistics*, <http://www.asean.org/news/item/external-trade-statistics-3>.
6. ASEAN Statistics (2014d): *Statistics Updates/ Foreign Direct Investment Statistics*, <http://www.asean.org/news/item/foreign-direct-investment-statistics>.
7. Balassa, B. (1974): *Trade creation and trade diversion to the European Common Market in B. Balassa*, European Economic Integration, North-Holland, Amsterdam.
8. CIMB ASEAN Research Institute – CARI (2013): *The ASEAN Economic Community: The Status of Implementation, Challenges and Bottlenecks*, [http://www.wiwi.uni-rostock.de/fileadmin/Institute/IPV/Lehrstuehle/Internationale\\_Politik/Jörn\\_Dosch/CARI-monash-report-2013\\_final.pdf](http://www.wiwi.uni-rostock.de/fileadmin/Institute/IPV/Lehrstuehle/Internationale_Politik/Jörn_Dosch/CARI-monash-report-2013_final.pdf).
9. Daly, M. (2013): *Thuế xuất nhập khẩu hội nhập khu vực và tăng trưởng*, Hội thảo của Ngân hàng Nhà nước và IMF, <http://www.imf.org/external/np/seminars/eng/2013/vietnam/pdf/mtv.pdf>
10. Dunning, J. H. and Robson, P. (1987): *Multinational Integration and Regional Economic Integration*, Journal of Common Market Studies. Volume XXVI, No. 2 December.
11. El – Agra, A. (ed) (1994): *The Economics of the European Community*, New York: Harvester Wheatsheaf.
12. JWT & Kearney (2013): *Countdown to 2015: Creating ASEAN Champions*, [http://www.atkearney.com/documents/10192/3828241/Countdown\\_to\\_2015\\_-\\_Creating\\_ASEAN\\_Champions.pdf/c3ff2483-44d7-4181-8e48-ab8b6deaedc0](http://www.atkearney.com/documents/10192/3828241/Countdown_to_2015_-_Creating_ASEAN_Champions.pdf/c3ff2483-44d7-4181-8e48-ab8b6deaedc0).
13. Kalra, S. (2013): *Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC): Thành tựu và triển vọng toàn cầu*.
14. Kehoe, W. J. (2006): *Regional and Global Economic Intergration: Implications for Global Business*, *Journal of Business and Behavioral Science*, forthcoming 2007.
15. Mitsuyo, A. (2009): *Impacts of FTAs in East Asia: CGE Simulation Analysis*, RIETI Discussion Paper Series 09-E-037.
16. Molle W. (1990): *The Economics of European Integration (Theory, Practice, Policy)*, Aldershot.
17. Pelkmans, J. (2006): *European Integration. Methods and Economic Analysis*, 3<sup>rd</sup> edition, Harlow, Munich et al. [Speyer Library: B VII c 750(3)].
18. Pillai (2013). *ASEAN Economic Community – Progress and Challenges*, The Ritz – Carlton, Jakarta, [http://www.kas.de/wf/doc/kas\\_10252-1442-2-30.pdf?130712045958](http://www.kas.de/wf/doc/kas_10252-1442-2-30.pdf?130712045958).
19. Salvatore, D. & Willey, J. (2013): *International Economics*, 11th Edition.
20. UNDP (2013): *Human Development Report 2013, The United Nations Development Programme*, ISBN 978-92-1-126340-4.
21. Vũ Dương Ninh (2002): *Hội nhập Việt Nam – ASEAN: Tiến trình, hiện trạng và những vấn đề đặt ra*, Đề tài trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. World Economic Forum – WEF (2014). *The Global Competitiveness report 2013 - 2014*, [http://www3.weforum.org/docs/WEF\\_GlobalCompetitivenessReport\\_2013-14.pdf](http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalCompetitivenessReport_2013-14.pdf).